

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST  
Ngày 26-02-2025  
V/v ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đê

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Chuẩn

Ông Nguyễn Hồng Bốn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Diễm Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Bà Võ Thị Kim Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 72/2024/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 12 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự;

- **Nguyên đơn:** Chị Thạch Thị Thanh T, sinh năm 1982; cư trú tại ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

- **Bị đơn:** Anh Nguyen Chinh K (K Chinh Nguyen), sinh năm 1980; cư trú tại A S, T, GA C, Hoa Kỳ (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 11 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Thạch Thị Thanh T trình bày: Chị và anh Nguyen C Ke đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 24/01/2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung được một thời gian ngắn, đến tháng 02 năm 2019 anh Nguyen Chinh K xuất cảnh trở về Hoa Kỳ và từ đó cho đến nay vợ chồng không còn sống chung. Qua những lần trao đổi, liên lạc với nhau thì thường cự cãi, bất đồng quan điểm nên chị cảm thấy vợ chồng không có hạnh phúc. Vì vậy, chị làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyen Chinh K.

Về con chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bị đơn anh Nguyen Chinh K trình bày: Anh thống nhất theo nội dung khởi kiện của chị T về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn và thời gian sống chung với nhau. Nay, anh cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Về con chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chị T và anh Nguyen Chinh K đăng ký kết hôn vào năm 2019 theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, chị T và anh Nguyen Chinh K sống chung với nhau một thời gian ngắn. Nay, chị T và anh Nguyen Chinh K đều đồng ý ly hôn với nhau. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, cho chị T ly hôn với anh Nguyen Chinh K; không xem xét, giải quyết về con chung, tài sản chung và nợ chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Thạch Thị Thanh T và bị đơn anh Nguyen Chinh K đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt (BL 06, 22). Do đó, căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T và anh Nguyen Chinh K.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh Nguyen Chinh K đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh ngày 24/01/2019 (BL 03). Sau khi kết hôn, chị T và anh Nguyen Chinh K sống chung với nhau được một thời gian ngắn thì anh Nguyen Chinh K xuất cảnh trở về Hoa Kỳ, chị T sinh sống ở Việt Nam. Nay, chị T và anh Nguyen Chinh K đều xác định đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và hai người đều đồng ý ly hôn với nhau. Vì vậy, chị T yêu cầu ly hôn với anh Nguyen Chinh K, là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Không có, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Không tranh chấp, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không tranh chấp, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Xét thấy quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, cho chị T ly hôn với anh Nguyen Chinh K, là có căn cứ.

[7] Về án phí: Theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, quy định “*Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn*”. Do đó, buộc chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy

định của pháp luật bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị T đã nộp bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0000011, ngày 29/11/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh, nên không phải nộp tiếp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 238, khoản 1 Điều 273, điểm a khoản 5 Điều 477 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56 và khoản 1 Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Thạch Thị Thanh T.

1. Về hôn nhân: Cho chị Thạch Thị Thanh T ly hôn với anh Nguyen Chinh K.

2. Về con chung: Không có, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không tranh chấp, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không tranh chấp, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Buộc chị Thạch Thị Thanh T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị Thạch Thị Thanh T đã nộp bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0000011, ngày 29/11/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh, nên không phải nộp tiếp.

Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt nguyên đơn và bị đơn báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật, để đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- UBND huyện C, tỉnh Trà Vinh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Đê**